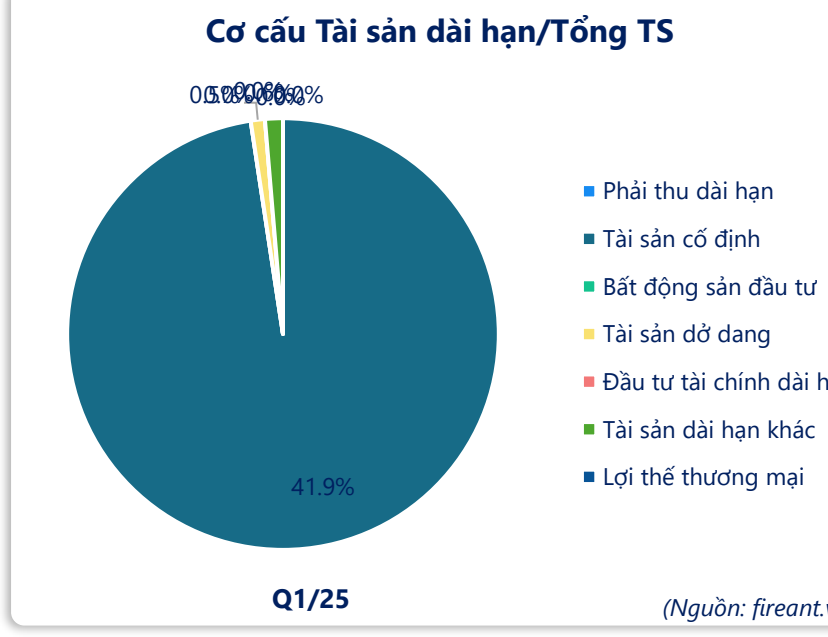
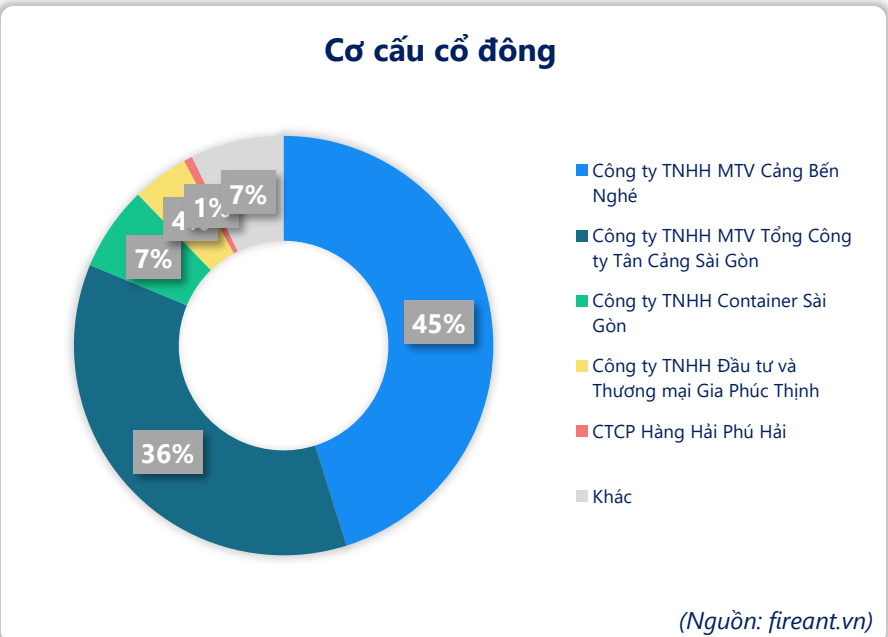
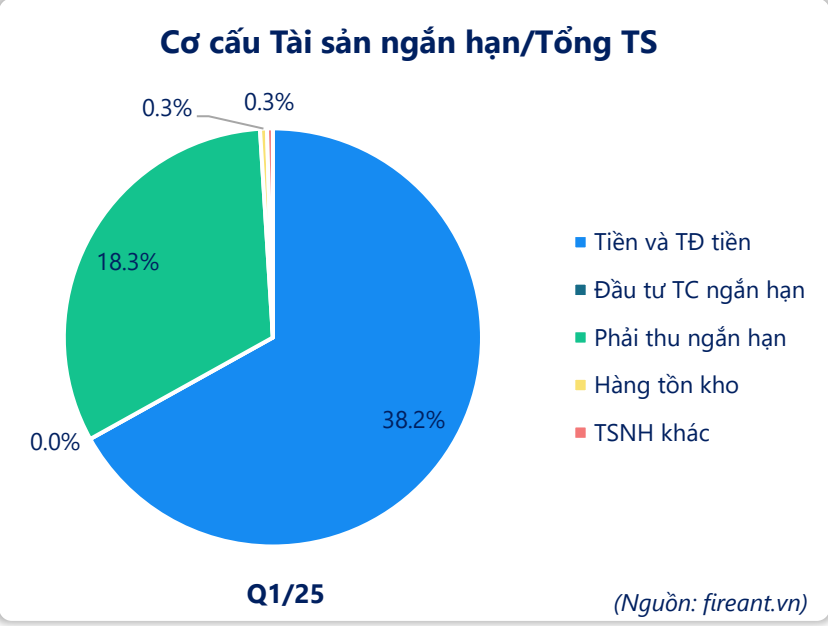
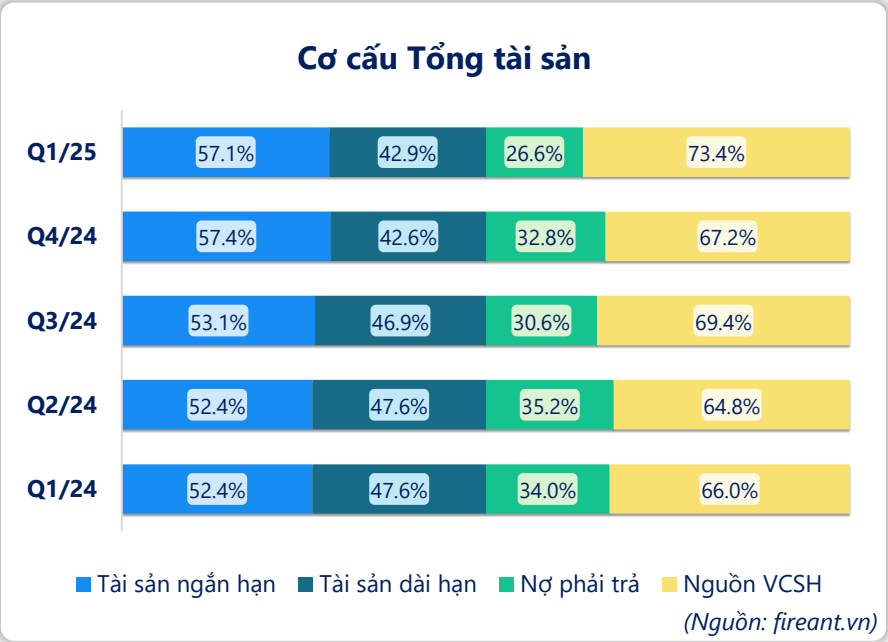
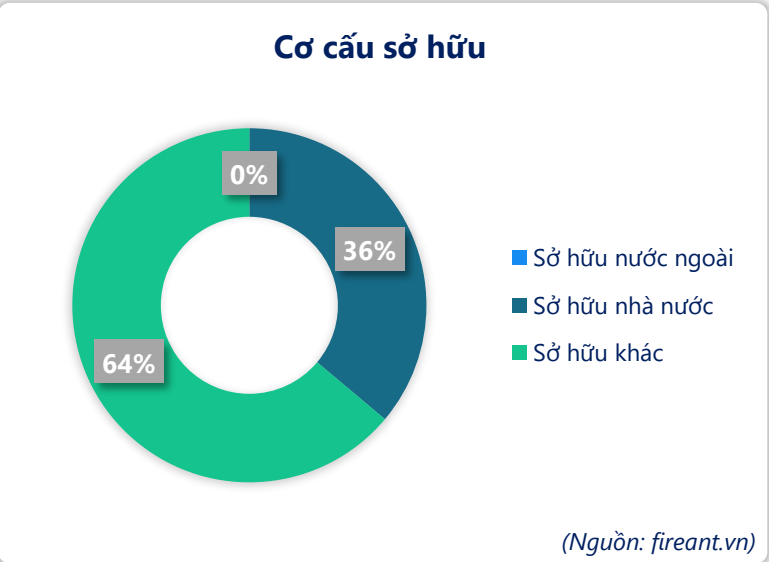
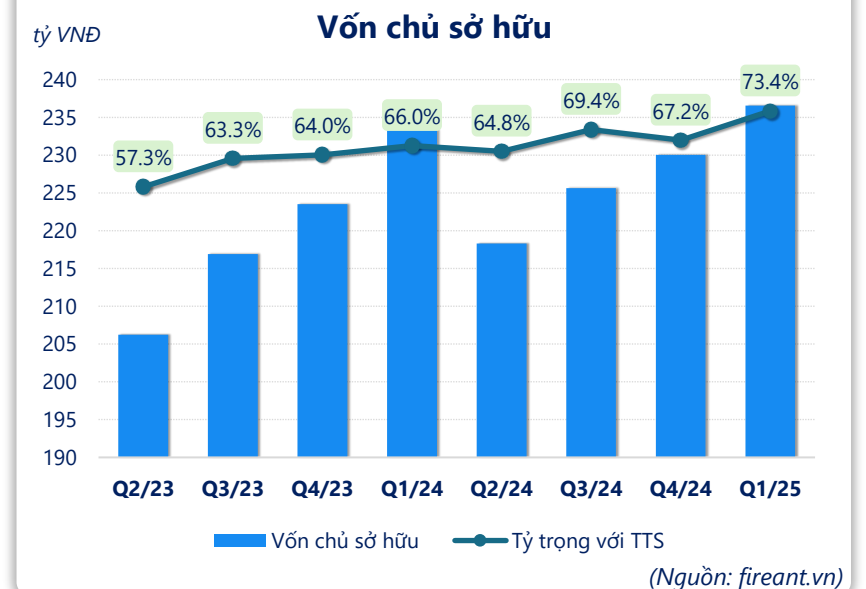
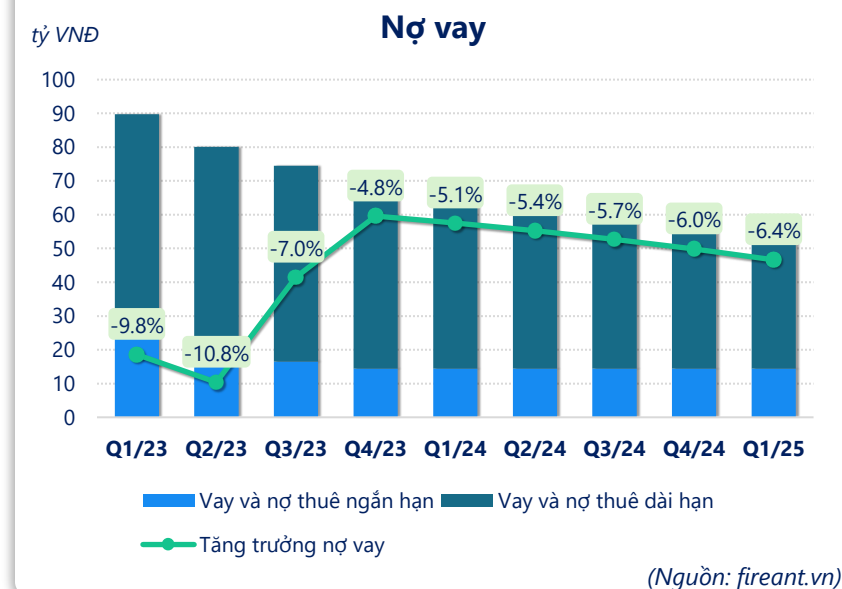
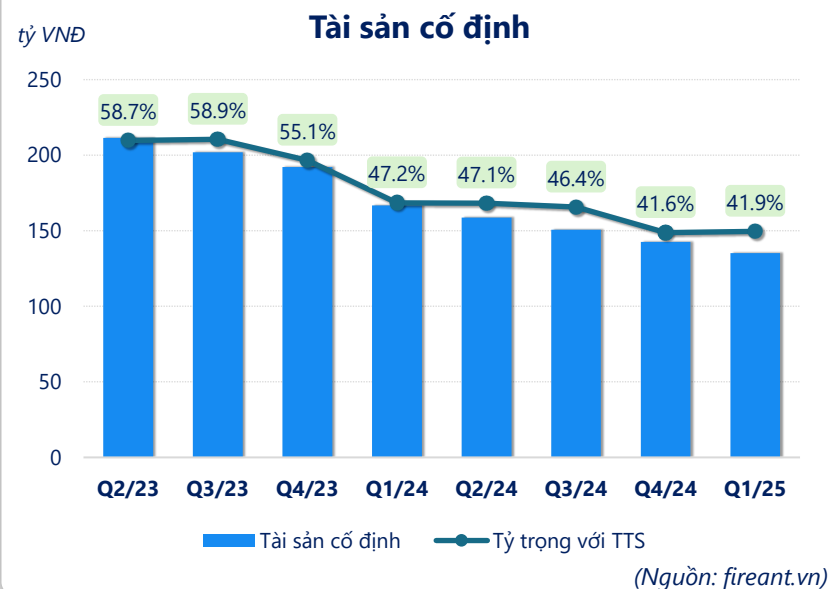
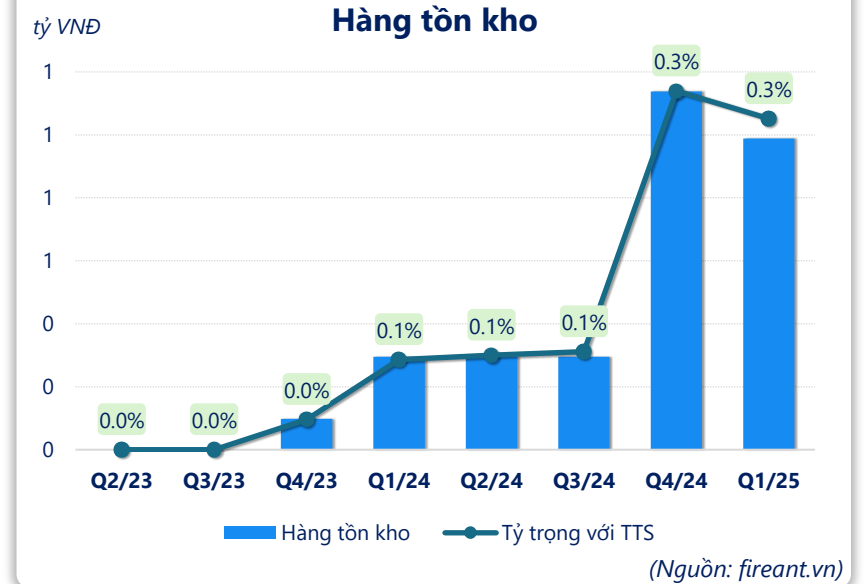
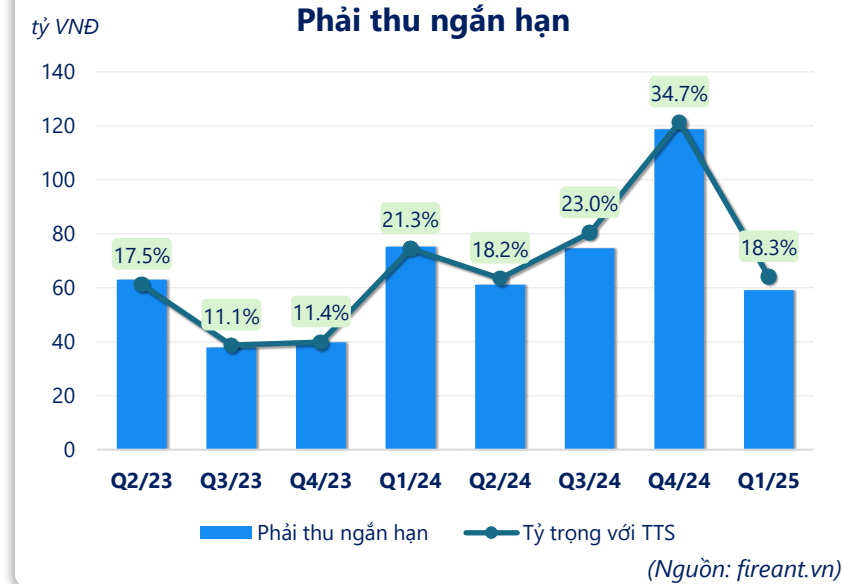
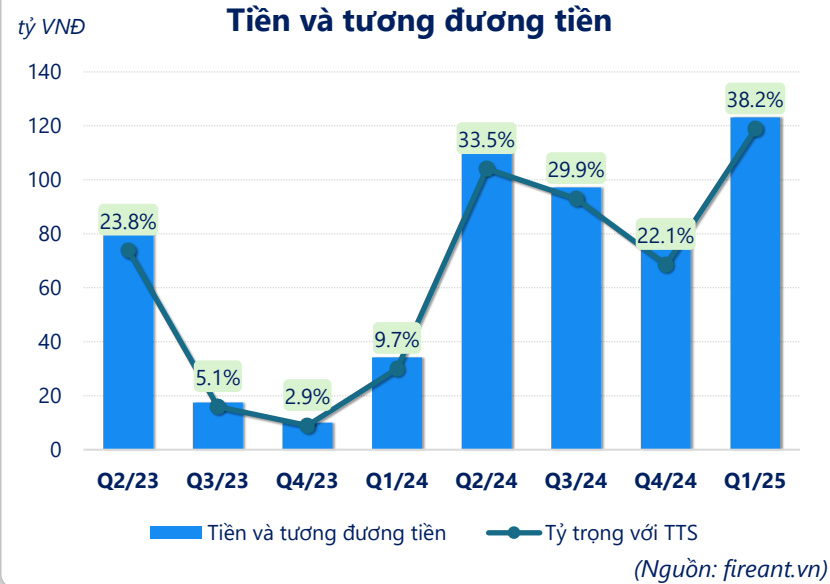
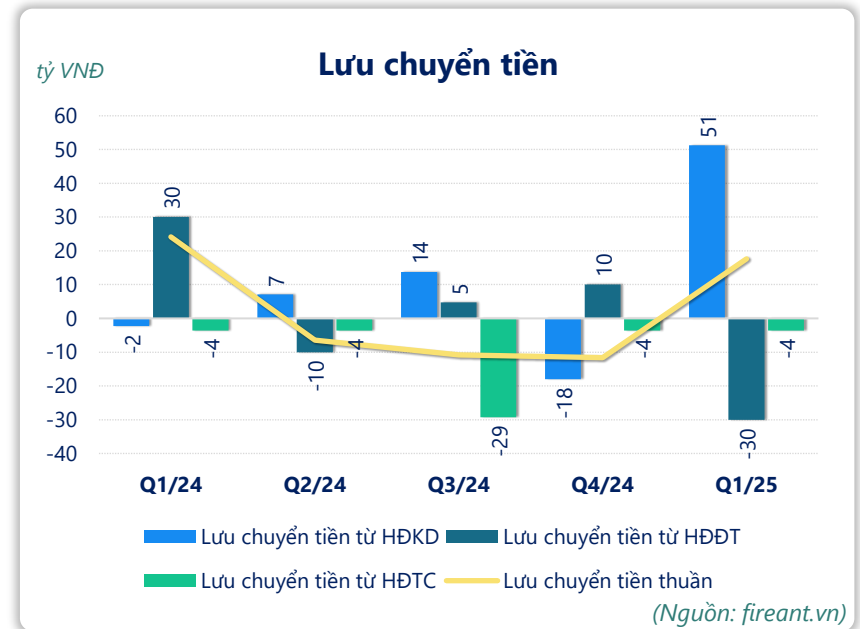
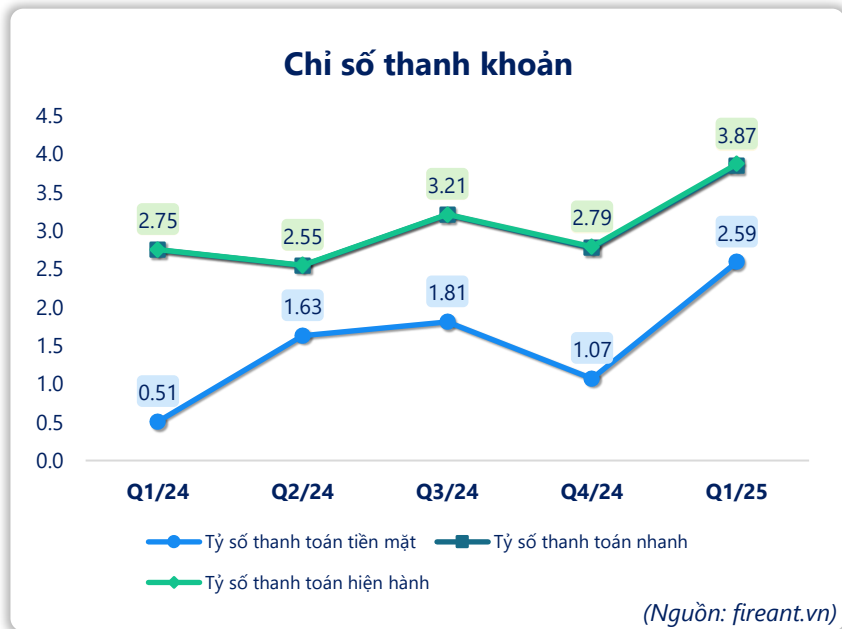
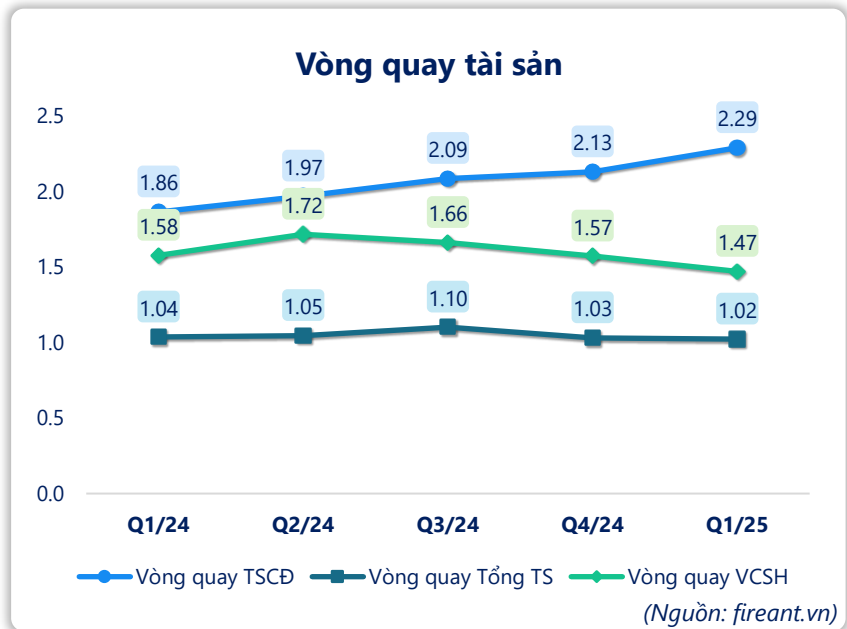
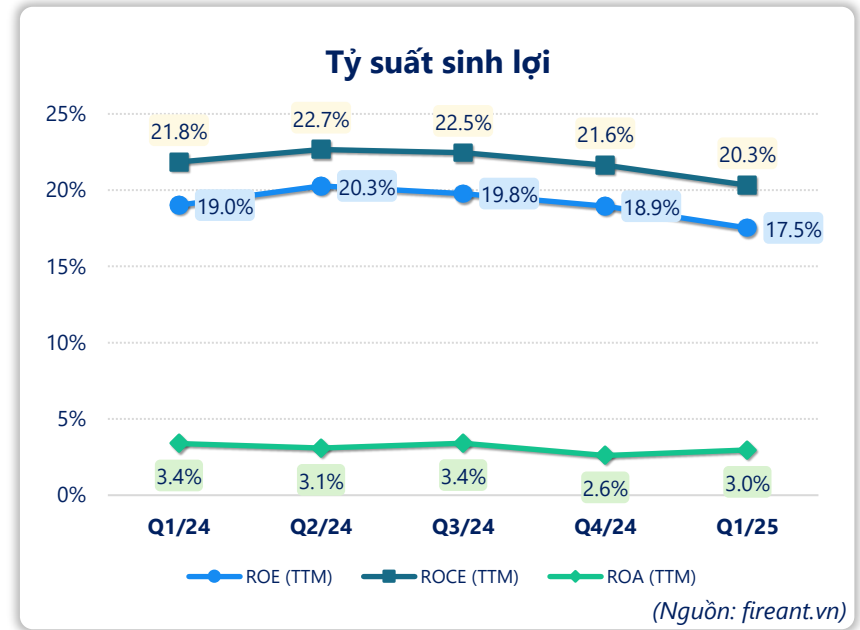
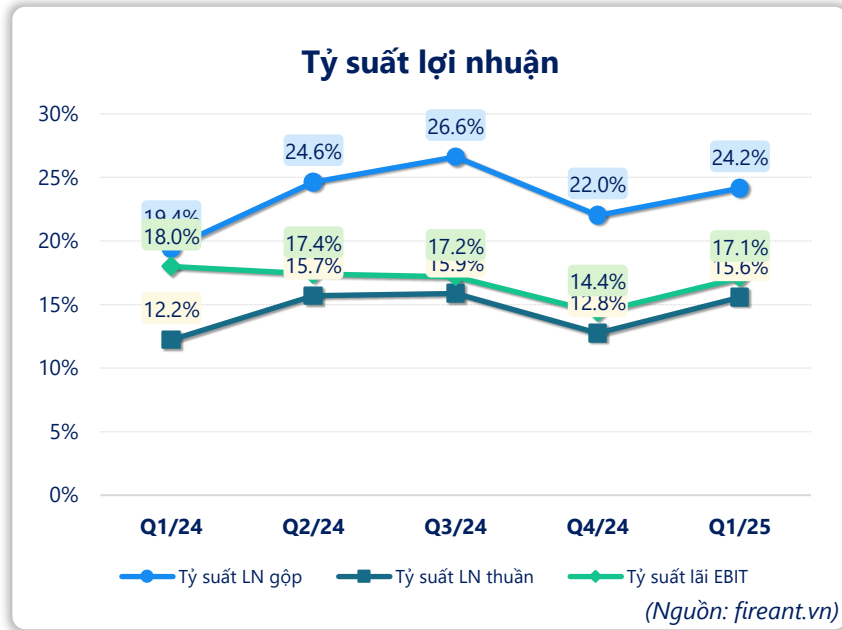
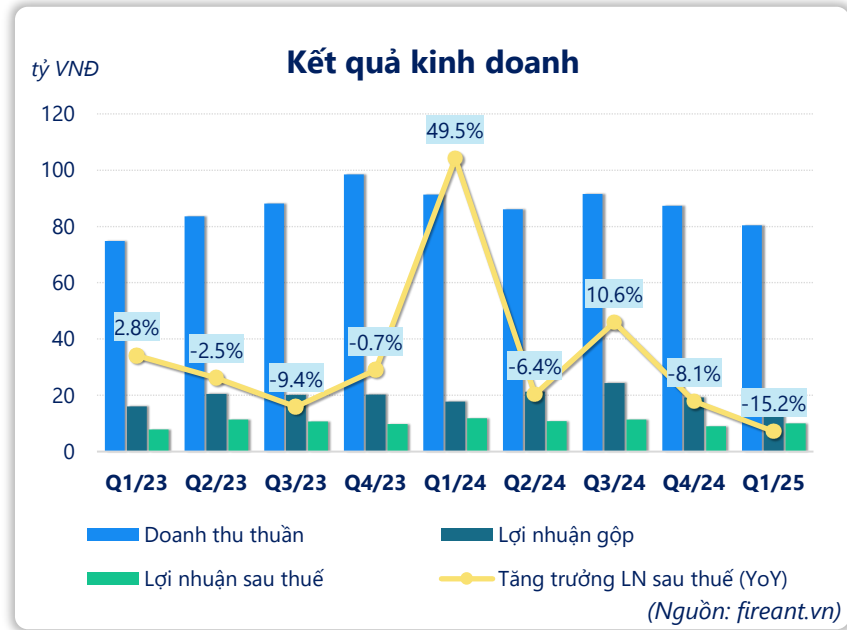


Thông tin giao dịch		31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		22,500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		25,500
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		17,684
SL cổ phiếu LH		16,100,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		240
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		362
P/E		8.8
EPS		2,557

	YTD	1T	3T	6T
PNP	-1.7%	-4.3%	-1.7%	1.8%
VNINDEX	2.9%	-0.4%	2.7%	1.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	322	343	-5.9%
Tài sản ngắn hạn	184	196	-6.3%
Tiền và tương đương tiền	123	75.3	63.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0.26	-100%
Phải thu ngắn hạn	59.1	119	-50.3%
Hàng tồn kho	0.99	1.14	-13.1%
Tài sản ngắn hạn khác	0.83	0.89	-6.3%
Tài sản dài hạn	138	146	-5.3%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	135	143	-5.3%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	1.47	1.47	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	1.85	2.08	-11.2%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	85.9	112	-23.6%
Nợ ngắn hạn	47.6	70.5	-32.5%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	14.4	14.4	0.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	18.7	36.1	-48.2%
Nợ dài hạn	38.3	42.0	-8.6%
Vay và nợ thuê dài hạn	38.3	42.0	-8.6%
Nguồn vốn chủ sở hữu	237	230	2.8%
Vốn chủ sở hữu	237	230	2.8%
Vốn điều lệ	161	161	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Doanh thu thuần	91.4	86.1	91.5	87.3	80.4
Giá vốn hàng bán	73.6	64.9	67.2	68.1	60.9
Lợi nhuận gộp	17.8	21.2	24.4	19.2	19.4
Doanh thu HĐTC	0.33	0.52	0.52	1.17	0.70
Chi phí TC	1.67	1.51	1.41	1.31	1.22
Chi phí lãi vay	1.67	1.51	1.41	1.31	1.22
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	5.27	6.70	8.95	7.95	6.38
LN thuần từ HĐKD	11.2	13.5	14.5	11.1	12.5
Lợi nhuận khác	3.60	-0.05	-0.20	0.12	0.00
LN trước thuế	14.8	13.5	14.3	11.3	12.5
Lợi nhuận sau thuế	11.8	10.8	11.4	9.00	10.0
LNST của CĐ cty mẹ	11.8	10.8	11.4	9.00	10.0

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-2.25	7.13	13.7	-18.0	51.2
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	30.0	-10.0	4.74	10.0	-30.0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-3.62	-3.61	-29.3	-3.61	-3.61
Tiền đầu kỳ	10.0	34.2	27.7	16.9	5.28
Lưu chuyển tiền thuần	24.1	-6.48	-10.8	-11.6	17.6
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	34.2	27.7	16.9	5.28	22.9

(Nguồn: fireant.vn)